TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2019/TCDS-ST
Ngày: 25/6/2019
"V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trương Văn Triệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Bạn
2. Ông Võ Nam Phước

Thư ký ghi biên bản phiên toà**:** Bà Lê Thị Nguyệt Sương - Thư ký TAND huyện Đ

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa**:** Ông Huỳnh Trung Thu - Kiểm sát viên.

Vào ngày 25 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án án tranh chấp dân sự thụ lý số 59/2018/TLST - TCDS ngày 05 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST- DS ngày 27/5/2019 giữa:

- Nguyên đơn: bà Lê Thị Th; trú tại: Khu Hòa Đông (khu 4), thị trấn Ái N, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện theo ủy quyền của bà Th, ông Nguyễn Hữu Cũng; trú tại khu N Mỹ (khu Nghĩa N), thị trấn Ái N, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam (có mặt).

- Đồng bị đơn:

+ Ông Trần Th Tr; trú tại khu Phước Mỹ (khu 7), thị trấn Ái N, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam (có mặt).

+ Và bà Nguyễn Thị L, hiện trú tại: Thôn Lam Phụng, xã Đại Đồng, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt).

+ Ông Trần Văn T và bà Trần Thị Kim Tu; cùng trú tại thôn Mỹ An, xã Đại Quang, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện theo ủy quyền của ông T và bà Tu, có ông Vũ Minh Thương, sinh năm 1977; trú tại số 155 đường Trần Dư, TP Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam – Trưởng Văn phòng Luật sư Vũ Minh Thương, Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Nam (có mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan :

+ Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ

Địa chỉ: Khu Phước Mỹ, thị trấn Ái N, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam

Có ông Phan Quốc T - chức vụ: Phó Chi cục trưởng, đại diện (vắng mặt).

+ Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Đ

Địa chỉ: Khu Phước Mỹ, thị trấn Á N, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam

Có ông Võ Đình Q - chức vụ: Phó giám đốc, đại diện (Giám đốc đã nghỉ hưu) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 11 năm 2018 nguyên đơn bà Lê Thị Th và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Cũng trình bày:

Căn cứ bản án số 41/2017/TCDS-ST ngày 18/9/2017 của TAND huyện Đ thì vợ chồng ông Trần Th Tr và bà Nguyễn Thị L phải chịu trách nhiệm hoàn trả cho bà Lê Thị Th số tiền nợ gốc là 1.100.000.000 đồng (một tỷ một trăm triệu đồng).

Ngày 31/10/2017, bà Th đã làm đơn yêu cầu thi hành án và ngày 02/11/2017, Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ đã ban hành Quyết định thi hành án số 79/QĐ-CCTHADS về thi hành án theo yêu cầu.

Trong thời gian này ông Tr và bà L đã tiến hành dịch chuyển tài sản của mình là lô đất thuộc thửa đất số 52, tờ bản đồ số 21 tại khu 3, thị trấn ÁiN, Đ (lô đất này ông Tr, bà L nhận chuyển nhượng của ông Trương Thế Vũ và bà Phạm Lê Phương Th ngày 09/6/2016 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY802406 do UBND huyện Đ cấp cho ông Trương Thế Vũ và bà Phạm Lê Phương Th ngày 21/5/2015) cho vợ chồng ông Trần Văn T và bà Trần Thị Kim Tu bằng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký ngày 22/9/2017 tại Văn phòng Công chứng Quảng Nam và đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ điều chỉnh biến động vào ngày 27/11/2017.

Ngày 16/4/2018, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ đã ban hành Quyết đinh số 06/QĐ- CCTHADS Quyết định về việc cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản. Nhưng không tiến hành cưỡng chế.

Bà Th yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam tuyên bố giao dịch giữa vợ chồng ông Trần Th Tr – Nguyễn Thị L với vợ chồng ông Trần Văn T – Trần Thị Kim Tu L quan đến quyền sử dụng thửa đất số 52, tờ bản đồ số 21, diện tích 179,8m^2 tại khu 3, thị trấn ÁiN, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam là vô hiệu.

Tại bản tự khai ngày 27 tháng 2 năm 2019 và tại phiên tòa đồng bị đơn ông Trần Th Tr trình bày:

Vào ngày 22/9/2017 tôi và vợ tôi là Nguyễn Thị L có lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số BY802406 do UBND huyện Đ cấp ngày 21/5/2015 cho ông Trần Văn T và bà Trần Thị Kim Tu với diện tích 179,8m^2 thửa đất số 52, tờ bản đồ số 21 tại khu 3, thị trấn ÁiN, huyện Đ (diện tích đất này vợ chồng tôi nhận chuyển nhượng của ông Trương Thế Vũ và bà Phạm Lê Phương Th). Nội dung chuyển nhượng gồm "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Giá chuyển nhượng 515.000.000 đồng (Năm trăm mười lăm triệu đồng). Lý do chuyển nhượng: vợ chồng tôi đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên để vay Ngân hàng Thương mại Sài Gòn – Hà Nội, chi nhánh Đà Nẵng số tiền gốc là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), đến hạn trả tiền gốc và lãi vay vợ chồng tôi không có tiền để trả nên đã chuyển nhượng gồm "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" cho vợ chồng ông T và bà Tu, vì thực tế ông T và bà Tu là người trực tiếp trả tiền nợ gốc vay và lãi vay của vợ chồng tôi cho Ngân hàng Ngân hàng Thương mại Sài Gòn – Hà Nội, chi nhánh Đà Nẵng cho nên Ngân hàng đã trả lại giấy chứng nhận QSD đất cho vợ

chồng ông T và bà Tu. Vợ chồng tôi không phải là chuyển nhượng để tẩu tán tài sản như bà Th khởi kiện. Đề nghị Tòa án xem xét hợp đồng chuyển nhượng nói trên là hợp pháp và có hiệu lực.

Đồng bị đơn bà Nguyễn Thị L không có mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai bà L đã trình bày nội dung như ông Trần Th Tr đã trình bày. Bà L có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt và bà không có ý kiến gì, mọi vấn đề do ông Trần Th Tr chịu trách nhiệm, quyết định.

*Tại bản tự khai của đồng bị đơn ông T và bà Tu trình bày:*Vào ngày 22/9/2017 vợ chồng ông là Trần Văn T và Trần Thị Kim Tu có ký hợp đồng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Trần Th Tr và bà Nguyễn Thị L. Hợp đồng chuyển nhượng đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Quảng Nam, văn bản công chứng số 2206, quyển số 05-TP/CC-SCC/HĐGD, tài sản chuyển nhượng là quyền sử dụng đất số 52, tờ bản đồ số 21, diện tích 179,8m^2 tọa lạc tại khu 3, thị trấn ÁiN, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY802406 do UBND huyện Đ cấp ngày 21/05/2015 cho ông Trương Thế Vũ và bà Phạm Lê Phương Th. Hợp đồng đó đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận QSD đất. Lý do ký hợp đồng chuyển nhượng là vợ chồng ông Tr, bà L thế chấp giấy chứng nhận QSD đất nói trên cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, chi nhánh Đà Nẵng để vay vốn kinh doanh, nhưng đến hạn vợ chồng ông Tr, bà L không có tiền để trả nên vợ chồng ông là Trần Văn T và Trần Thị Kim Tu trực tiếp trả tiền cho ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, chi nhánh Đà Nẵng vào ngày 03/8/2017 nên mới được giải chấp và ký hợp đồng chuyển nhượng. Toàn bộ số tiền chuyển nhượng là 515.000.000 đồng đều dùng để thực hiệnN vụ trả nợ đối với Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, chi nhánh Đà Nẵng. Đây không phải là Tr hợp tẩu tán tài sản nhằm trốn tránh thực hiệnN vụ dân sự. Vì vậy, hiện nay diện tích đất nói trên thuộc quyền sử dụng hợp pháp của vợ chồng ông là Trần Văn T và Trần Thị Kim Tu chứ không còn là tài sản của vợ chồng ông Tr, bà L. Vợ chồng ông T và bà Tu không L quan đến khoản nợ giữa bà Lê Thị Th với vợ chồng ông Trần Th Tr và bà Nguyễn Thị L.

Đại diện theo ủy quyền của đồng bị đơn luật sư Vũ Minh Thương thống nhất như nội dung trình bày của ông T và bà Tu.

Ông trình bày thêm: Thời điểm thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh Tr, chị L với anh T, chị Tu thì quyền sử dụng đất nói trên vẫn đang thuộc sở hữu của vợ chồng anh Tr, chị L; có giấy CNQSD đất hợp pháp, sử dụng ổn định không có tranh chấp; không bị kê biên nhằm đảm bảo thi hành án và vẫn đang trong thời hạn sử dụng đất như quy định tại Điều 88 Luật đất đai năm 2013. Về hình thức hợp đồng chuyển nhượng được công chứng hợp pháp, sau đó đã được cơ quan nhà nước cấp giấy CNQSD đất hợp pháp. Vì vậy việc chuyển nhượng nêu trên là hoàn toàn hợp pháp. Theo yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Th thì ông T và bà Tu không đồng ý, không chấp nhận hủy hợp đồng vô hiệu.

Người có quyền lợiN vụ L quan:

- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ có công văn số 25/CV-CCTHADS ngày 03 tháng 4 năm 2019 trình bày: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Trần Th Tr, bà Nguyễn Thị L với ông Trần Văn T, bà Trần Thị Kim Tu được công chứng ngày 22/9/ 2017 trong khi đó bản án TCDS số 41/2017/TCDS-ST

ngày 18/92017 của TAND huyện Đ đến hết ngày 18/10/2017 mới có hiệu lực pháp luật, mãi đến ngày 31/10/2017 bà Lê Thị Th mới có đơn yêu cầu thi hành án. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, không nhận được đơn yêu cầu ngăn chặn việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Trần Th Tr và bà Nguyễn Thị L tẩu toán tài sản, trốn tránhN vụ thi hành án. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ chờ kết quả xét xử củaTòa án mới có cơ sở thi hành.

- Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Đ, có Công văn số 08/CV-CNĐL ngày 17/4/2019 trình bày: Ngày 20/11/2017 Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Đ nhận được hồ sơ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Trần Th Tr và bà Nguyễn Thị L chuyển nhượng cho ông Trần Văn T và bà Trần Thị Kim Tu. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Đ thực hiện đăng ký chuyển quyền sử dụng đất đối với Tr hợp trên theo đúng thời gian và quy định của pháp luật hiện hành, trong thời gian giải quyết hồ sơ nói trên Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Đ không nhận được yêu cầu bằng văn bản cua Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ về việc dừng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Tr, bà L và ông T, bà Tu.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử*:* Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 BLTTDS năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa:

+ Hội đồng xét xử: thành phần HĐXX phiên tòa sơ thẩm được tiến hành đúng thời gian địa điểm đã được ghi trong quyết định đưa vụ án ra xét xử. HĐXX, thư ký tòa án đã tuân thủ đúng quy định của BLTTDS năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án:

Bà Th đã thực hiện việc khởi kiện, ông Nguyễn Hữu Cũng đại diện theo ủy quyền của bà Th đã cung cấp tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện gồm bản sao: sổ hộ khẩu, CMND, bản án số 41/2017 của TAND huyện Đ, quyết định THA theo yêu cầu, Quyết định về việc cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản, thông báo về việc cưỡng chế thi hành án, hợp đồng chuyển nhượng QSD đất, giấy chứng nhận QSD đất, thông báo về việc quyền yêu cầu tại Tòa án; thực hiện các quyền vàN vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71, 186, 189, 190 BLTTDS 2015.

+ Người tham gia tố tụng là đồng bị đơn: Ông Trần Th Tr, bà Nguyễn Thị L, ông Trần Văn T và bà Trần Thị Kim Tu sau khi được thông báo về việc thụ lý vụ án đã thực hiện quyền vàN vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS 2015.

+ Người tham gia tố tụng là người có quyền lợi,N vụ L quan: Chi cục Thi hành án dân sự và Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Đ đã thực hiện đầy đủ quyền,N vụ theo quy định tại Điều 70, 73 BLTTDS 2015.

-. Về quan điểm giải quyết vụ án: Từ những chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và diễn biên phiên Tòa hôm nay thể hiện, đại diện viện kiểm sát đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Lê Thị Th về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô

hiệu đối với " hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất" giữa ông Trần Th Tr, bà Nguyễn Thị L với ông Trần Văn T , bà Trần Thị Kim Tu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo bản án số 41/2017/TCDS-ST ngày 18/9/2017 của TAND huyện Đ thì vợ chồng ông Trần Th Tr và bà Nguyễn Thị L phải chịu trách nhiệm hoàn trả cho bà Lê Thị Th số tiền nợ gốc là 1.100.000.000 đồng (một tỷ một trăm triệu đồng), bản án không bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật thì bản án có hiệu lực pháp luật sau 30 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Như vậy bản án có hiệu lực từ ngày 19 tháng 10 năm 2017.

[2] Vào ngày 22/9/2017 vợ chồng ông Trần Văn T và Trần Thị Kim Tu có ký hợp đồng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Trần Th Tr và bà Nguyễn Thị L. Hợp đồng chuyển nhượng đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Quảng Nam, văn bản công chứng số 2206, quyển số 05-TP/CC-SCC/HĐGD, tài sản chuyển nhượng là quyền sử dụng đất số 52, tờ bản đồ số 21, diện tích 179,8m^2 tọa lạc tại khu 3, thị trấn ÁiN, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY802406 do UBND huyện Đ cấp ngày 21/05/2015 cho ông Trương Thế Vũ và bà Phạm Lê Phương Th. Hợp đồng đó đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận QSD đất.

[3]. Thời điểm thực hiện việc chuyển nhượng giữa ông Tr, bà L và ông T, bà Tu thì quyền sử dụng đất nói trên vẫn đang thuộc sở hữu của vợ chồng ông Tr, bà L; có giấy CNQSD đất hợp pháp, sử dụng ổn định không có tranh chấp; không bị kê biên nhằm đảm bảo thi hành án và vẫn đang trong thời hạn sử dụng đất như quy định tại Điều 88 Luật đất đai năm 2013.

Về hình thức hợp đồng chuyển nhượng được công chứng hợp pháp, sau đó đã được cơ quan nhà nước cấp giấy CNQSD đất hợp pháp. Vì vậy việc chuyển nhượng nêu trên là hoàn toàn hợp pháp.

[4]. Theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định 62/2015/ NĐ-CP hướng dẫn luật Thi hành án dân sự năm 2014: kể từ thời điểm bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nếu người phải thi hành án chuyển đổi, tặng cho, bán, chuyển nhượng, thế chấp cầm cố tài sản cho người khác, mà không sử dụng khoản tiền thu được để thi hành án và không còn tài sản khác, hoặc tài sản khác không đủ để đảm bảoN vụ thi hành án thì tài sản đó vẫn bị kê biên xử lý để thi hành án trừ Tr hợp pháp luật có quy định khác.

Như vậy, tại thời điểm ông Trần Th Tr bà Nguyễn Thị L chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông T và bà Tuyền thì bản án số 41/2017/ DS-ST ngày 18/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ chưa có hiệu lực pháp luật. Trong thời gian này bà Th cũng không có văn bản yêu cầu các cơ quan có trách nhiệm dừng việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Tr và bà L.

[5] Mặc khác tài sản là giấy chứng nhận QSD đất nói trên đã dược ông Tr và bà L bảo lãnh, thế chấp cho công ty TNHH dịch vụ vận tải và kinh doanhTổng hợp vay vốn theo Hợp đồng thế chấp QSD đất và tài sản gắn liền với đất số

142/2016/HĐTC-BTB/SHB120700 tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội chi nhánh tại Đà Nẵng để vay số tiền 300.000.000 đồng vào ngày 17 tháng 6 năm 2017 nhưng do công ty này không trả được nợ nên phát sinh nợ xấu, nhóm 3 vào tháng 6 năm 2017. Đến ngày 03/8/2017 ông Trần Văn T nộp tiền, tất toán khoản nợ vay của công ty TNHH dịch vụ vận tải và kinh doanh Tổng Hợp tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn –Hà Nội cho nên Ngân hàng đã giải chấp tài sản là giấy chứng nhận QSD đất số BY802406, sau đó thì ông Tr, bà L mới ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông T và bà Tu chứ không phải ông Tr và bà L cố tình dịch chuyển tài sản vào thời điểm khi có bản án số 41/2017/TCDS-ST ngày 18/9/2017 của TAND huyện Đ. Như vậy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Tr, bà L với ông T, bà Tu đúng theo quy định của pháp luật về điều kiện có hiệu lực pháp luật của giao dịch dân sự quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự.

Từ những vấn đề nêu trên không có cơ sở cho rằng việc hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông Tr, bà L với vợ chồng ông T, bà Tu nhằm mục đích tẩu tán tài sản để trốn tránhN vụ thi hành án.

Do đó, HĐXX không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Th về yêu cầu tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Trần Th Tr và bà Nguyễn Thị L với vợ chồng ông Trần Văn T bà Trần Thị kim Tuyền ký vào ngày 22/9/2017 là vô hiệu.

[6] Về án phí: HĐXX nghĩ buộc bà Th phải chịu án phí về yêu cầu của bà không được Tòa án chấp nhận theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 147, Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Áp dụng: Điều 117 Bộ luật dân sự,

Áp dụng Điều 24 Nghị định 62/2015/ NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật thi hành án dân sự

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Th về yêu cầu tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Trần Th Tr và bà Nguyễn Thị L với vợ chồng ông Trần Văn T bà Trần Thị Kim Tu, liên quan đến quyền sử dụng thửa đất số 52 tờ bản đồ số 21, diện tích 179,8 m^2 tại khu 3 thị trấn ÁiN, huyện Đ tỉnh Quảng Nam là vô hiệu.

Về án phí: Buộc bà Lê Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà Th đã nộp theo biên lai thu số 3038 ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, nguyên đơn, đồng bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm, đồng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận
- *TAND tỉnh Quảng Nam;*
- *VKSND huyện Đ;*
- *VKSND tỉnh Quảng Nam.*
- *Chi cục THADS huyện Đ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Văn Triệu